

NỖI ĐAU MỘT MÌNH

Hàng năm, vì sự kiêng cử “đạp đất”, “xông nhà” mà đã hơn hai chục năm qua kể từ ngày tới Mỹ đến giờ, vợ chồng tôi chỉ tới nhà người quen “chúc Tết” vào ngày Mừng Hai. Hơn nữa, ngày đầu năm Mừng Một Tết, chúng tôi phải ở nhà cúng đầu năm như thể mời ông bà về Ăn Tết với con cháu. Dẫu xa quê hương, nhưng việc cúng kiến, vợ chồng tôi không bao giờ xao lãng mà năm nào cũng như năm nào, xin nghỉ làm một tuần để ở nhà. Năm nay Quý Ty, Mừng Hai Tết là ngày Thứ Hai, dù tuyết đầy đường, nhiều anh chị em chắc vẫn đi làm nên cửa khóa then cài lạnh tanh, không thấy hơi hám gì hết tết nhứt. Ở đây, xứ lạ lạnh lẽo lại nhỏ nhoi người Việt Nam, cái Tết cổ truyền dân tộc sao quanh quẽ, heo hút dữ! Ở lâu, bây giờ cũng quen quen đi rồi và người Việt Nam đông đông lên, mình còn thấy đỡ nhiều. Hồi mới qua năm 1992, những cái Tết đầu tha hương thấy sao buồn thúi ruột. Bà vợ với mấy đứa con lớn sụt sùi nước mắt! Sáng nay, đầu tiên chúng tôi đến nhà chú Huệ, không thấy ai ngoài 3 con chó nhỏ lông xù Australian Terrier sủa rân trời. Mấy con chó này mà mỗi



Phong tục cúng bái đầu năm

lần vợ chồng tôi tới là mỗi lần sợ tính hung hăng và dữ tợn của chúng. Đi ngược xuống nhà chú Lực mới vừa được nghỉ hưu thế nào cũng có ở nhà, nhưng không, ông Chí nói: “Hai vợ chồng đi vắng cả rồi”. Vợ tôi hỏi: “Đi đâu anh?” Ông cười hề hề: “Chồng coi cháu nội ở một nơi; vợ coi cháu ngoại ở một nơi!” Vợ tôi quay qua tôi nói nhỏ: “Nghĩ hưu tưởng thông dong, ai dè làm babysitter còn cực hơn!” Ghé nhà ông

bà Vinh gần tiệm Quang Trung cũ, hồi mới qua ở cùng một building trên đường Brownell. Tới đây để chúc nhau ba ngày Tết vui đâu không thấy, chỉ thấy buồn chuyện gia đình của hai mẹ con bà bạn của ống bả từ Oregon qua kể lại nỗi đoạn trường kèm theo những giọt nước mắt mà không e dè gì Ba Ngày Tết:

“**G**ia đình tôi từ miền Trung vào đất Vĩnh Long năm 1965 lúc tôi mới 17 tuổi.

Hồi đó nhà tôi nghèo, ai ai cũng lo bương chải tìm đường mưu sinh. Tôi được may mắn vào làm “Sở Mỹ” trong Thị Xã đã gần nhà lại lương phạn khá cao. Làm gần một năm, tôi bị mang bầu với một Trung Sĩ người Mỹ trắng. Ba má tôi, anh chị em tôi giận lắm và xóm làng dè bủ. Để dễ chịu cho mình và không đau lòng cho gia đình, tôi ra ở riêng một nơi xa cũng trong Thị Xã Vĩnh Long. Đầu năm 1969, tôi sinh ra đứa con gái giống Mỹ y hệt, không có chút gì Việt Nam hết trơn. Người ngoài, trong nhà bởi nhiều thành kiến “chửa hoang”, “lấy Mỹ”,

“con lai”, nên mẹ con tôi cúi mặt sống đời cô cút, phiền muộn. Sau, vì cảm cảnh đưa con, đưa cháu đơn chiếc hiu quạnh, ba má tôi tha thứ mọi điều, kêu về lại nhà. Có lẽ, tôi “gái một con trông mòn con mắt” hay sao, một ông Thiếu Úy hơn tôi vài tuổi đang làm ở Tiểu Khu để ý thương. Tôi rời gia đình, mượn nhà ở chung với ông ta sống đời già nhân nghĩa, non vợ chồng. Gần một năm sau, chúng tôi có với nhau một đứa con trai. Mấy tháng sau, năm 1970, ông chuyển qua Không Quân, lái máy bay trực thăng. Đời phi công lả lướt như cánh chim bằng rày đây mai đó, quen thói “cơm hàng, cháo chợ, vợ người ta”, ông đã ít khi về nhà lại không bao giờ thư từ. Lúc đầu, tôi trách móc đủ điều, nhưng thét rồi cũng quen cảnh một mình nuôi con chờ chồng. Ông thì vi vút tận đâu đâu vui thú trăng hoa với ai ai mà mỗi lần về thì làm bộ làm tịch như yêu em nhất trên cõi đời! Cuộc đời ai biết mà mò!? Năm 1972, một đứa con gái tiếp theo ra đời. Ông cứ “Anh đi bay” nay chỗ này, mai chỗ kia xa rất xa Tỉnh Vĩnh Long. Tôi ở nhà cặm cụi nuôi ba đứa con còn rất thơ dại mà ngày tháng đợi bóng



hình cha của mấy đứa con về thăm nhà, thăm vợ, thăm con heo hút ngóng trông! Mình đợi, đợi mãi. Ông đi, đi mãi. Lâu lâu gặp nhau một lần, tôi vui niềm vui vô cùng và các con mừng reo vang “ba, ba”, nghe như hạnh phúc rách rách từng ngõ ngách tâm hồn. Rồi lại, “Anh đi bay”, bay bổng như cánh chim trời, bay đi là đi vun vút vào cõi không gian bao la nghìn trùng. Mình trở vào ôm con thổn thức đời vợ người lính hào

hoa...Và cuối tháng 3 năm 1975, tôi đã có thai thành con trai út mà khóc không hết nước mắt không biết bây giờ ông ở đâu hay đã “vị quốc vong thân” nơi tiền tuyến. Dọ hỏi bạn bè, giao mấy đứa nhỏ cho ông bà ngoại với các dì, các cậu trông giữ giùm, tôi chạy ngược ra Nha Trang, rồi Phan Rang, Phan Thiết và vào Bình Tuy, Vũng Tàu cho tới Sài Gòn, vẫn không nghe thấy gì tin tức, bóng dáng của ông. Rồi chiều tối mấy ngày trước ngày 30 tháng 4, ngày Tổng Thống Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng vô điều kiện, ông hốt hải chạy về nhà với bộ quần áo “civil” tôi tả, rách nát, bẩn thỉu, hôi hám và nói mau trong hơi thở “May lẫn lộn được trong đám đông hỗn loạn mới chạy thoát được”. Sau 30 tháng 4 năm 1975 bụng mang dạ chửa, tôi cứ phải lùng sục nơi này, chỗ kia tìm ra ở đâu chồng bị nhốt “học tập cải tạo”. Từ những năm quen nhau đến có mấy mặt con, tôi chưa lần nào nhận từ tay ông một đồng bạc để gọi là một chút tình với vợ và trách nhiệm với con. Việc ông có đi tù Cộng Sản hay có “học tập cải tạo” lâu, mau bao lâu cũng không ảnh hưởng gì đến đồng tiền, bát gạo cho gia đình một mẹ đang bụng mang dạ chửa nuôi ba đứa con còn bé bỏng. Ông bị Việt Cộng nhốt chỉ đau lòng người vợ là vợ lúc nào cũng nhớ thương chồng mà một đám cưới đơn sơ cũng chưa có; không có một tờ giá thú vợ chồng; ngay cả trong giấy khai sinh của các con phải ghi là “cha không có”. Tôi, người đàn bà cô đơn quạnh quẽ bao nhiêu năm dẫu có chai đá chùng nào đi nữa cũng là người đàn bà còn tấm lòng trắc ẩn tâm sự làm sao chịu nổi đêm về nhìn

con mà không giọt vắn, giọt dài giòng nước mắt chảy!? Cũng may, ông đi tù Cộng Sản lòng vòng cũng trong Miền Nam, tôi cứ “thăm nuôi” hoài, đỡ khổ cho tôi và không đến nỗi chết đói cho ông. Bạn tôi, có những người chồng “học tập cải tạo” tận rừng thiêng nước độc ngoài Trung, ngoài Bắc ...thường chưa tìm ra chồng ở đâu đâu thì chồng đã ra người thiên cổ, thân xác không biết vùi lấp nơi nào thâm sơn cùng cốc hoang vu, cô liêu! Điều đáng phàn



nàn là, trước khi trình diện “học tập cải tạo”, ông đã gởi cho ông anh ruột, cho bà chị ruột của ông mỗi người một số tiền nhờ giữ giùm trong khi tôi ôm ba đứa con và một cái bầu chờ sanh để trong một chế độ “đổi đời” của cái gọi là Giải Phóng luôn luôn làm khó dễ và kỳ thị vợ “Sĩ Quan Ngụy Quân Ngụy Quyền” và máu mủ đứa con lai là “liên hệ Đế Quốc Mỹ” một cách khắc nghiệt. Tôi chạy vạy đủ thứ nghề để kiếm tiền vừa nuôi con lớn lên từng ngày vừa nuôi chồng không

đến nỗi chết trong tù vì không có cái ăn, cái mặc. Năm 1979 thằng út lên 4 tuổi, ông được thả về. Tiền gởi nơi ông anh, nơi bà chị ông đòi hoài đâu ai trả lại một đồng xu, và trả làm sao, bây giờ xài tiền Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam? Tiền bạc, tình anh chị em không còn, chẳng ai thèm nhìn mặt ai. Một chế độ mà cái gì cũng quốc doanh, cái gì cũng tem phiếu, cái gì cũng “Đảng Cộng Sản Quang Vinh”, người Miền Nam Việt Nam ngày một nghèo đói cùng kiệt, nói gì gia đình những người bị miệt thị bằng cái tên “Ngụy”, cái tên “Me Mỹ” khô khan, cọc lốc, thù hằn. Bây giờ không còn phi công, không còn Sĩ Quan, không còn tiền mà còn đeo thêm cái tên “giặc lái” và người ta không coi ra gì, ông mới chịu ở nhà với vợ, với con, với công ăn việc làm và thằng con trai út trong giấy khai sanh may mắn mới có tên họ người cha của nó. Buôn bán trong chế độ Xã Hội Chủ Nghĩa, người dân dễ bị chết lên chết xuống vì bọn “Công An Khu Vực”, “Quản Lý Thị Trường”. Ông về, bị “quản chế” một năm có làm ăn được gì, giỏi lắm là trông coi mấy đứa nhỏ cho tôi bay nhảy kiếm tiền nuôi gia đình. Không làm sao tránh khỏi được những cặp mắt điều hâu, cú vọ rình rập, tôi bị cái thứ đầu trâu mặt ngựa “Quản Lý Thị Trường”, “Công An Khu Vực” đó bắt và bị bỏ tù cả nửa năm trời. Nhà cửa không có tôi, mấy cha con may mắn có được hai bữa húp cháo lỏng độn khoai lang hay khoai mì. Đứa con gái Mỹ lai của tôi mới 10 tuổi, rách rưới, nghèo hèn như con bé

lộ lem, ông bắt “Mầy phải tự túc kiếm ăn”. Con bé tờ mờ sáng đã ra khỏi nhà và tối mò mới lén lút về để tránh đôi mắt dữ dằn của ông dượng ghẻ như lúc nào cũng sẵn sàng giáng cho nó những cái tát tai tá hỏa tam tinh. Nó, có khi phải đi xin ăn ngoài chợ có gì ăn nấy; có khi giúp những công việc người ta sai vặt cho có miếng ăn qua bữa; có khi là đứa nhỏ gái lang thang bụi đời đầu đường xó chợ. Khi được thả ra, nghe con kể lại, tôi đâu có tin tâm địa của ông chồng mình lại tàn tệ với một đứa nhỏ, con gái riêng của vợ mình như vậy! Dù có chồng về, có “thuận vợ thuận chồng tát biển Đông cũng cạn”, nhưng gia cảnh càng ngày càng túng



Chùng lén bán xăng, dầu ngoài lề đường

quần, cơ hàn. Tôi liều mạng, chùng lén mua bán lậu xăng, dầu, nhớt lẻ tẻ và ống bày biện dụng cụ vá, sửa giày, dép cao su kể bên giả như có công ăn việc làm để tránh bị dòm ngó mà thực ra là để canh chừng bọn Công An, bọn Quản Lý Thị Trường. Đứa con gái lai đã lớn, làm nghề mua bán vặt vãnh mấy thứ nông sản cho người đi qua đi lại ngang nhà. Hai vợ chồng với bốn đứa con tạm sống qua ngày không quá cơ cầu như trước nữa. Sau năm 1988 nghe có “Chương Trình Con Lai” và “Chương Trình HO”, mừng hết sức. Chúng tôi nghe ngóng, tìm kiếm, chạy chọt, mong được qua Mỹ sớm chừng nào tốt chừng nấy. Ông bàn “Đi “Điện Con Lai” dễ hơn, mau hơn “Điện HO”, dù có qua Phi Luật Tân ở vài tháng cũng không sao”. Lúc bấy giờ, đứa con gái lai của tôi đã 19, 20 tuổi rồi, nhất định không chịu đi vì đã có bạn trai. Một đứa con trai nhà quê hiền hậu,

cũng nghèo, cũng chỉ có một năm, hai năm đến trường học chữ như nó ở gần bên nhà. Ông đồ dành, nào là “Nhà mình ở Việt Nam không sống nổi”; nào là “Qua Mỹ rồi, ba giúp con bảo lãnh bạn trai con mấy hồi”; nào là “Còn gặp ông ba người Mỹ của con nữa chứ”. Ông hứa hẹn đủ điều và ngọt sót “con” với “con” luôn miệng mà nó chưa bao giờ được nghe. Một mũi tên bắn ba mục tiêu, con nhỏ thất học, lam lũ, đơn giản thì làm sao biết gì tâm địa tàn độc của ông. Huống hồ, ông còn mượn ông giáo xóm dưới cầm một cái thơ viết ba xí ba tú mấy chữ Anh với hình một ông Mỹ nào đó nói là thơ và hình ba nó ở Mỹ gửi qua hết sức trông mong gặp nó. Con nhỏ vui quá, thích quá, đồng ý liền dù có ngậm ngùi bỏ lại người bạn trai buồn vô cùng với lời an ủi đầy tin tưởng, rằng “Em qua Mỹ rồi là bảo lãnh anh ngay”. Bỗng, cuối năm 1989, ông vô ý làm sao mà cái thùng phuy đầy xăng phát hỏa, vài nhà kế cận bị cháy,

họ tức giận rượt chạy, chửi bới ổng hết sức thậm tệ. ổng phải trốn chui trốn nhủi chờ bà con người ngoại mới dám mò về. Nhà cầm quyền Việt Cộng ra lệnh “Bồi thường thiệt hại cho người ta”. Nhà tiền đâu mà bồi thường, đành hứa cho qua ngày? Nghe tin vợ chồng tôi sắp đi Mỹ, một mặt họ tới đòi tiền, một mặt họ làm đơn ra Công An Phường yêu cầu trì hoãn việc xuất cảnh cho tới khi nào thanh toán nợ nần mới được. Chúng tôi khóc lóc, lạy lục, van xin, năn nỉ, hứa “Trả có lời cho bà con



Phi trường Quốc tế Portland

rất sớm sau khi qua Mỹ”. Gia đình mấy nhà bị cháy ít tin tưởng tính tráo trở, gian ngoa của ổng, nhưng nghĩ “Thà đồng ý cho tụi nó đi còn hy vọng có ngày vợ chồng nó trả. Chúng nó ở đây ăn mặc còn chưa đủ, lấy gì bồi với thường?” Năm 1991, hai vợ chồng tôi với bốn đứa con qua Phi Luật Tân ở vài tuần. Cuối năm, chúng tôi tới phi trường Portland International Airport, PDX vào một tối mùa Đông tuyết rơi mịt mù. Không thấy ai

người Mỹ ra đón, con tôi hỏi: “Ông Ba Người Mỹ của con đâu?” ổng la to “Không ba với má; không Mỹ với mèo gì hết”. Biết gạt rồi, con nhỏ khóc từ đó và khóc nhiều tuần liền, nhưng biết làm sao bây giờ nơi xứ lạ quê người!? Việc này tôi có dự phần mà mỗi lần thấy con sụt sùi, lòng tôi cũng chột dạ, xoắn xang. Còn nợ nần hẹn với người ta, sẽ “Trả lời cho bà con rất sớm sau khi qua Mỹ” đến bây giờ đã trên 20 năm không thấy ổng nhắc nhở gì hết. Tôi có hỏi, ổng trả lời “Qua Mỹ mà đòi”. Lòng tôi cũng cảm thấy nhột nhạt, khó chịu lắm. Bây giờ, đứa con gái lai của tôi cũng tới 44, 45 tuổi rồi có thằng chồng vừa dở dờ ương ương lại vừa khắc nghiệt với nó và hai thằng con trai không đứa nào lo học, chỉ biết lêu lổng theo bạn bè hút xách, mèo mửa. Ngày ngày ngoài giờ làm ở hãng còn thì giờ nào là nó phải trông coi đứa cháu nội mà ba nó, mẹ nó còn quá trẻ con, để ra không màng bốn phận nuôi dưỡng. Chạnh nhớ người bạn trai ngày xưa nó có hứa “Em qua Mỹ rồi là bảo lãnh anh ngay” bây giờ vẫn ở vậy, không lấy vợ, nó khóc hết nước mắt và oán hận ổng và tôi đã giết chết tương lai và cuộc đời của nó. Nó con lai, cả nhà nhờ nó mà đi Mỹ, nhưng ba ghẻ của nó, ngay cả tôi mẹ ruột của nó và ba đứa em một mẹ khác cha của nó, ai ai cũng không thương nó một chút nào. Có lẽ nó là con lai, lại nghèo nàn và chồng con của nó không ra gì nên bị gia đình chối bỏ!? Có lạ gì, bên Portland có ai hỏi gia đình tôi qua điện gì, không ngần ngại một chút nào, mọi người trong nhà tôi cũng trả lời gọn băng như nhau: “Là Diện HO chứ diện gì nữa” và không quên nói thêm: “Ổng là phi công, một Đại Úy đó”. Chỉ trừ nó, đứa con gái lai có gì mà giữ gìn, nói hoạch toẹt ra là Diện Con Lai. Nội việc này, ở bên đó người ta đã chê chúng tôi là “thứ không ra gì” rồi. Tôi biết chớ, ổng biết chớ, huống gì sau này tôi mới nghe ra và biết thêm nhiều chuyện ổng làm còn tệ vô cùng. Năm đầu mới qua, ổng làm công mười hai tiếng đồng hồ một ngày cho một tiệm Tàu Chợ Lớn mà lãnh tiền mặt chưa tới hai đô la một giờ. May mắn,

Ông được ông chủ Tàu đó giới thiệu vào làm leader và sau lên supervisor cho một hãng người Mỹ chuyên lắp ráp đồ gia dụng cho đến nghỉ hưu năm 2009. Ông mang tiếng luôn cúi và “nịnh thần” của thằng manager và “đi” anh, chị, em Việt Nam hết chỗ nói. Ông dụ dỗ, sắp xếp các cuộc hẹn hò những người đàn bà, những cô gái Việt Nam chân ướt chân ráo mới tới đất Mỹ với thằng xếp ham gái của ông. Ông làm khó dễ người ta để kiếm chút quà hồi lộ tình cảm của những phụ nữ chưa chồng hay không còn chồng và rượu mạnh, tiền đồ xăng, sửa xe hư, giúp việc nhà, quà biếu từ Việt Nam qua... của những ông đàn ông, những đứa con



Xe hủ tiếu, mì hoành thánh

trai...Việc ông bị đốt xe, bị đập bể kiếng xe, bị xì bánh xe, bị chửi rửa, bị chặn đường đánh là chuyện thường như ăn cơm bữa, nhưng tật xấu xa của ông, ông vẫn cứ giữ suốt đời không chừa. Cuối năm 2010, ông theo lời giới thiệu của một người bạn trạc tuổi của ông về Việt Nam “ăn ở” với con vợ nhỏ 34 tuổi, nhỏ hơn ông 35 tuổi và cũng nhỏ hơn con gái út của ông 7 tuổi. Ông bạn này của ông lấy con chị, ông lấy con em. Tưởng đâu xa, hai con nhỏ đó ngày xưa ở gần nhà, hỉ mũi còn chưa muốn sạch. Con chị tên là Xí, con em tên là Muội ngày nào cũng như ngày nấy cứ một cái quần xà loong, đen thui đen thui chạy

lăng quăng khắp xóm như những đứa con trai. Ai ngờ bây giờ tụi nó hấp dẫn làm sao, ông thèm. Chuyện cũng kỳ kỳ, ba của hai đứa nó lại là lính của ông thời làm ở Tiểu Khu Vĩnh Long trong những năm 1968, 1969. Không biết mấy người đó ăn làm sao, nói làm sao bây giờ hở? Chắc cũng không gì phải lo lắng, bận bịu, vì ông vốn đã mặt dày mày dạn từ thời ở Vĩnh Long trong nước đến bây giờ trên Oregon đất Mỹ. Có điều, mấy đứa con của ông cảm thấy hổ thẹn mà nói “Sao ba làm điều các con thấy nhục không chịu nổi”? Những người Việt ở đây, đâu coi ông là “cái thá gì”, cho nên đểch có ai đá động đến “cái thằng cô hồn cát đảng đó” làm gì. Tôi, thì cúi mặt mà sống âm thầm trong nhà quanh năm với mấy đứa cháu nội, cháu ngoại cho hết một kiếp người đọa đầy! Tôi nhớ không lầm, ngày mừng 5 Tết Tân Mão cách đây hai năm, nhằm ngày 7 tháng 2 năm 2011, ông đưa tôi một xấp giấy, bảo: “Ký giấy ly dị”. Tôi vừa hết sức ngạc nhiên vợ chồng lấy nhau đã gần năm chục năm nay, không có gì xích mích, chẳng có bao giờ nói tới ly dị, ly thân đâu. Vừa chạm tự ái quá sức một cách thành tình, không chịu nổi, tôi bèn “Ký thì ký”. Không có một phiên tòa xử ly dị, nhưng chúng tôi tự biết với nhau rằng, “từ đây chúng ta không còn ai vợ chồng với ai nữa”. Và ông đi biệt từ đó đến nay không hề liên lạc gì với nhau. Con chim đã sổ lồng, nó bay là bay đi vào cõi mịt mù vô tăm, biệt tích. Dù tôi cũng như mấy đứa con không muốn liên lạc với ông nữa,

nhưng hai người anh, một ở Mỹ và một ở Việt Nam thỉnh thoảng gọi điện thoại nói cho tôi nghe hoài mỗi khi ổng có chuyện này, chuyện kia. Ở Mỹ, ổng ở với gia đình ông anh cả cùng vợ chồng đưa cháu trai trong thành phố Dorchester của Massachusetts. Ở đây, nhà không còn chỗ, ổng ở một góc garage dưới basement. ổng thường nói với ông anh của ổng rằng “Tôi không bảo lãnh con nhỏ đó qua. Qua rồi nó sẽ bỏ mình đi lấy thằng khác trẻ, khỏe hơn mình là chắc. Tôi thỉnh thoảng đi qua, đi về và cho nó một ít tiền là đủ. Ngày nào còn ở chung thì hay ngày đó”. Ông anh ổng nói: “Sẽ tới một ngày không xa, chú tan tác xách gói trở về lại Mỹ là cái chắc”. Ở Việt Nam, ổng ở với con nhỏ đó trong căn nhà đối diện với nhà ông anh kế. Căn nhà mà ổng phải bỏ ra hơn ba chục ngàn đô la để xây lên. Ông anh ở bên nói: “Bây giờ chú với con nhỏ đó che sạp bán hủ tiếu và mì hoành thánh ở đầu xóm chợ nhỏ. Đêm đêm, chú một mình trùm chăn ngủ lại tại sạp để canh giữ chiếc xe, sợ bị người ta cuỗm đi. Bà con qua lại thường chỉ chỗ, chế diễu “Già dịch”, “Việt Kiều đại gái”. Anh chị nghe mà thúi cả ruột gan. Đi Mỹ mấy chục năm tưởng được gì, cuối cùng chú cũng chỉ là thằng “cu li” bùng tô hủ tiếu, bùng tô hoành thánh mà chịu lụy người này tới người kia. Phải vậy cũng còn đỡ, đằng này xóm làng còn dị nghị con nhỏ đó thường đi lại, ăn nằm với thằng bạn trai của nó một cách công khai ngay trong nhà chú bỏ tiền ra xây lên. Chú làm gì nó bây giờ? Nó



Một nông trại ngoại ô thành phố Kansas, Missouri

còn nói “Lớ mớ tôi tổng cổ ổng ra khỏi nhà vác thân chạy không kịp hoặc vô đồn Công An ngồi tù như chơi”. Nghĩ, chắc luật bù trừ, ổng chưa bao giờ xí một đồng cho vợ, cho con ngay cả mấy ông anh ruột, mấy bà chị ruột của ổng sống từ nhỏ đến già bây giờ. Có hôm ổng mua cho tôi một cái Big Mac của Mc Donald, ổng lấy tôi y giá 3 đô la. Thôi thì, bây giờ để con nhỏ đó xài đi cho rồi 178,800 đô la của ổng đã keo kiệt để dành trong ngân hàng trên hai

chục năm qua và tiền hưu trí hằng tháng 1,200 đô la nữa đi cho rồi. Mới đầu, tôi buồn lắm, nhưng bây giờ đã hai năm rồi còn gì, tôi rất dửng dưng, hưởng gì ngày nào tôi cũng hết sức bận bịu trông coi một đừ bốn, năm đứa cháu nội, ngoại nhõng nhẽo khóc, réo”. Nhìn ông bà bạn, bà tiếp “Mấy lần anh chị gọi điện thoại bảo tôi nói chuyện chồng con của tôi cho anh chị biết. Nhân qua đây thăm anh chị, hôm nay dù là đầu năm, biết anh chị chẳng tin vào những chuyện dị đoan, mê tín bao giờ, nên tôi kể ra chuyện không vui chút nào gia đình tôi. Và anh chị đã rõ là làm sao chúng tôi thôi nhau”. Quay qua phía hai vợ chồng tôi, bà nói lời xin lỗi, rằng “Mong ông bà bỏ qua cho chuyện không mấy hay ho gì gia đình tôi trong những ngày năm mới tươi cười mới phải”. Phả lả cho qua, vợ chồng tôi dầu có không vui trong lòng vì chuyện người ta, nhưng cũng cười nụ cười gượng gạo gọi là. Ông bạn Vinh già, chủ nhà như phụ họa, như an ủi, như lời thở than vu vợ, nói: “Việc mấy ông, mấy cậu về Việt Nam lấy vợ thời buổi này sao nhiều chuyện rắc rối, éo le, phiền não dữ. Nói gì đâu xa, ở thành phố nhỏ

như thành phố này vợ chồng tôi đang ở đây, cũng xảy ra biết bao nhiêu chuyện cười ra nước mắt. Một cặp vợ chồng con lai còn trẻ, mới thấy hạnh phúc với nhau đó, không lâu đã “anh đi đường anh, tôi đi đường tôi”. Nghe ra, tại cả vợ lẫn chồng ham Casino ở Ameristar, ở Harrah’s, ở Isle of Capri, ở Argosy...mà hết tiền. Tụi nó bàn nhau “Chúng mình ly dị giả để về Việt Nam anh kiếm một con, em kiếm một thằng lấy làm vợ làm chồng giả mà kiếm mỗi đứa bốn chục ngàn đô la để gỡ gạc”. Chuyện không như ý. “Anh kiếm một con” anh lấy thiệt con nhỏ, nhỏ hơn anh hai mươi mốt tuổi ở Việt Nam dắt qua Mỹ làm vợ. “Em kiếm một thằng” không phải người Việt Nam kiếm được “bốn chục ngàn đô la để gỡ gạc” mà dính với một người Mỹ già, già hơn em gần ba chục tuổi nghèo nàn biết nói lời phỉnh gạt mà em tưởng lầm là giàu sang, em về nông trại vùng quê ngoại ô thành phố hắt hiu mà ở. Hai đứa bây giờ



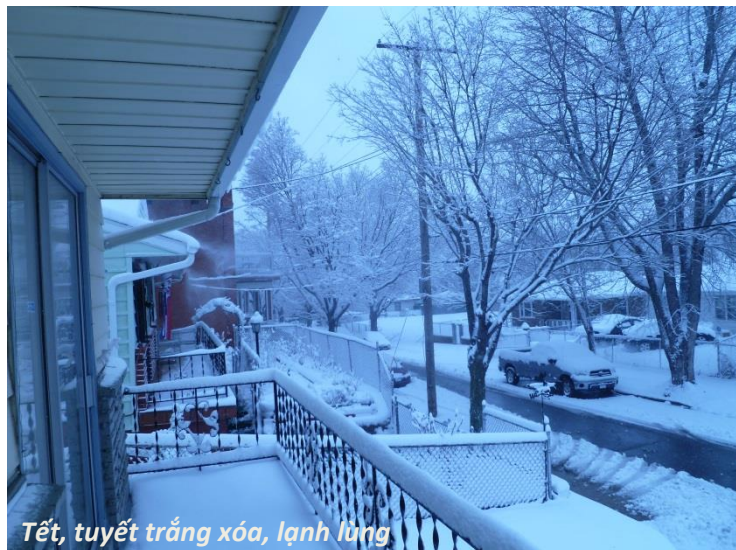
Ông chồng già với cô vợ trẻ

ứa gan, nhìn nhau như kẻ thù truyền kiếp. Ba đứa con, đứa nào đứa nấy đều oán giận cha mẹ, đã bỏ nhà đi, không biết đi đâu! Ngừng một chút, mời chúng tôi ăn mứt, uống nước trà, ông tiếp: “Nói gì sắp nhỏ, ngay cả ông già thường mỗi chiều đi bộ với tôi ở Công Viên Budd Park nằm ngay ngã tư đường St. John Ave và Brighton Ave đã bảy mươi tuổi cũng mất nét thay. Vợ chồng ông này lấy nhau cũng gần năm mươi năm rồi, con bầy, cháu đông. Vậy mà, ông cũng về “bộ” một cô gái ở Bình Định lớn hơn cháu nội gái ông vài ba tuổi. Hơn ba chục năm chịu khó làm lụng ở Mỹ có một chút tiền, về xây nhà cho cô vợ trẻ ở bên, gọi là “tổ uyên ương”. Ông sống riết ở Việt Nam, không đoái hoài gì bà vợ già ở Mỹ mòn mỏi trông chờ. Bốn đứa con, mười mấy đứa cháu và hai đứa chắt được hai, ba tuổi gì đó cũng chẳng mong gì ngày trở về của ông nữa. Chừng hai năm, bây giờ ông về lại Mỹ thì

không còn gì hết. Tiền cũng hết. Vợ cũng bỏ. Con không nhận cha; cháu không nhận ông. Ông bây giờ ở gần nhà vợ chồng tôi đây, “share phòng” ở chung với hai đứa thanh niên bặm trợn, tụi nó gọi ông là “ông già cô đơn”, “ông già bụi đời”, “ông già gân”. Thấy cũng quá nhiều chuyện thị phi Ba Ngày Tết, vợ chồng tôi đứng dậy trước khi ra về, ngó ông bà bạn “Chúc gia đình anh chị an khang và thịnh vượng” và nhìn ái ngại hai mẹ con bà bạn của ông bà, cũng “Mong chị và cháu an vui, hạnh phúc”.

Lên xe, tôi lái chạy lòng vòng ngang qua chợ Kim Long, chạy thẳng lên chợ Hương Quê, quẹo phải qua phía chợ Hùng Vương, chợ Đông Phương như thể chạy trốn nỗi

bi quan rục rịch trong lòng và đi tìm một chút thanh thản cho yên bình tâm trí. Phố phường, hôm nay Thứ Hai, đầu đầu xe cộ cũng tấp nập, ngược xuôi, có ai đón Tết? Các chợ Việt Nam vẫn kẻ bán người mua vô vô, ra ra gặp nhau may ra có lời chúc tụng “Năm mới an khang, thịnh vượng”. Có ai thấy gì tết nhứt trên đất xa, người lạ ở đây vắng ngắt, buốt giá và hôm nay lại sà sà bầu trời chùn thấp, u ám màu xám xịt vừa qua mấy ngày tuyết rơi lạnh lùng! Lại nhớ những cái Tết ê chề thời ở tù Việt Cộng ngoài Bắc, trong Nam sao mà đau buồn quá



sức đòi lao lý biệt xứ khổ sai! Lòng luyến tiếc những ngày Tết thời thơ ấu vô tư, hạnh phúc. Tết được mặc áo quần mới, được tiền lì xì, được đốt pháo, được đi Chùa Núi đầu năm lạy Phật, được đánh bầu cua cá cọi... Thành linh, vợ tôi chắc lười, nói nhỏ bên tai “Cũng một phận đàn bà” đã dắt tư tưởng tôi về hiện tại. “Dù gì thì dù, nói gì thì nói, người đàn bà Việt Nam thường khi phải chịu thiệt thòi, cô đơn, đau khổ một mình hơn người đàn ông nhiều”, vợ tôi nói thêm. Tôi im lặng như thể

đồng tình. Thật ra, kể từ ngày tại Việt Cộng tĩ tê “khúc ruột ngàn dặm” thì quanh tôi đây, các ông muốn li dị vợ nhiều hơn mấy bà, nhất là mấy ông đã già tuổi, già đời. Việc đi qua đi về Việt Nam dễ như trở bàn tay, nhiều gia đình, các ông các bà đã sống với nhau nhiều chục năm rất dễ dàng tan hoang đầu hôm sớm mai. Các ông đã bỏ các bà về Việt Nam ở lì với các con vợ nhí, bồ nhí vừa trẻ, vừa đẹp lại vừa biết chịu đựng. Các bà khóc không còn nước mắt, sống thui thủi tuổi xế chiều cô đơn, hiu quạnh. Các ông cũng không lâu, thân xác tươi tắn, khô cần, không còn manh giáp, tiu nghỉu về lại Mỹ tìm vợ, vợ không còn; tìm con, con không còn; sống đời bơ vơ những ngày quạnh quẽ hồn ma bóng quế, chờ ngày đất lấp, cỏ vùi nơi xứ lạ âm u, mông mênh, hiu hắt!

NGUYỄN THỪA BÌNH

Mùng Ba Tết Quý Tỵ, 12/2/2013